

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 08/2022/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Trì, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Vũ Toàn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh VP.

Bị đơn: Chị **Vũ Thương H**, sinh năm 2006.

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu 1, xã P, thành phố V, tỉnh PT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh PT.

2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh PT.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên đương sự thống nhất: bố chị Vũ Thương H và anh Vũ Toàn T là ông Vũ Văn B, khi còn sống ông B và bà Nguyễn Thị T1 có 01 thửa đất có diện tích là 266m² có số thửa 44, tờ bản đồ số 24; địa chỉ thửa đất: Khu 2, xã P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - Chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong sổ mục kê và bản đồ lưu tại UBND xã P ghi tên người sử dụng đất là ông Vũ Văn Th (B). Ông Th đã mất nhưng vợ ông là bà Lương Thị Th1 công nhận đã chuyển nhượng cho ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị T1 từ năm 2000. Quá trình sử dụng đất đến nay khu dân cư cũng thừa nhận vợ chồng ông Vũ Văn B là người nhận chuyển nhượng thửa đất

trên của ông Vũ Văn Th, và xây ngôi nhà cấp 4 trên đất, nộp thuế sử dụng đất hàng năm.

Nay tại Tòa án, anh T, chị H, bà T1 thống nhất thỏa thuận: Giao cho cháu Vũ Thương H được sử dụng 88,7m² đất (ký hiệu là S3 có chỉ giới là 8,9,10,11,12,13, 16,8 - trích đo kèm theo) có số thửa 44, tờ bản đồ số 24; địa chỉ thửa đất: Khu 2, xã P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Giao cho anh Vũ Toàn T được sở hữu và sử dụng 01 nhà cấp 4 trên đất và diện tích đất 177,3m² (ký hiệu là S1 có chỉ giới là: 1,2,3,15,14,1; S2 có chỉ giới là 13,14,15,16,13 - trích đo kèm theo) có số thửa 44, tờ bản đồ số 24; địa chỉ thửa đất: Khu 2, xã P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Chị Vũ Thương H và anh Vũ Toàn T có quyền liên hệ với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình.

Về án phí:

- Anh Vũ Toàn T chịu 10.865.000đ (mười triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.00đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/00009371 ngày 04/5/2022 tại chi cục thi hành án Dân sự thành phố Việt Trì. Anh T còn phải nộp 10.565.000đ (Mười triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

- Miễn án phí cho chị Vũ Thương H do có đơn xin miễn án phí vì thuộc hộ nghèo.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân T.P Việt Trì;
- Chi cục Thi hành án dân sự T.P Việt Trì
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Hoa